

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/2005/QĐ-BNV

*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Điều lệ Hội Kiến tạo Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004, ngày 20/5/1957, quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Kiến tạo Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Kiến tạo Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hội thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2005.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kiến tạo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Quốc Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI KIẾN TẠO VIỆT NAM

**Ban hành theo Quyết định số 141/2005/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ**

Chương I
TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên Hội

Hội có tên gọi là: **Hội Kiến tạo Việt Nam.**

Tên giao dịch tiếng Anh: **Vietnam Association of Tectonics.**

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Kiến tạo Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những công dân Việt Nam hoạt động trong chuyên ngành Kiến tạo. Hội Kiến tạo Việt Nam là Hội thành viên của Tổng Hội Địa chất Việt Nam. Hội hoạt động trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo Điều lệ Hội.

2. Mục đích của Hội là tập hợp đoàn kết rộng rãi những người hoạt động trong chuyên ngành Kiến tạo nhằm giúp đỡ nhau phát huy tài năng và trí tuệ, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

1. Hội Kiến tạo Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, có trụ sở tại Hà Nội. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài sản và tài chính riêng, có tài khoản tại Ngân hàng.

2. Hội Kiến tạo Việt Nam được gia nhập các tổ chức Hội cùng chuyên ngành trong khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Động viên nhiệt tình và khả năng sáng tạo của hội viên trong việc nghiên cứu điều tra cơ bản về Kiến tạo nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2. Khuyến khích và giúp đỡ hội viên nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, góp phần đào tạo nhân tài của ngành địa chất Việt Nam.

3. Thông tin; phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật địa chất, tài nguyên khoáng sản trong nhân dân; tuyên truyền, khuyến khích sáng tạo của đội ngũ cán bộ và công nhân địa chất.

4. Nghiên cứu áp dụng các học thuyết mới, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các kinh nghiệm tiên tiến ở trong nước và trên thế giới vào công tác điều tra cơ bản về địa chất, về tài nguyên khoáng sản đồng thời bảo vệ môi trường.

5. Tư vấn và phản biện với Nhà nước, các Bộ ngành khi được yêu cầu về chiến lược phát triển địa chất, tài nguyên khoáng sản, về các chính sách, chế độ và các biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy ngành địa chất phát triển.

6. Tiến hành các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật thông qua việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm tạo nguồn thu cho quỹ của Hội.

Điều 5. Phương thức hoạt động

1. Tổ chức hội nghị, hội thảo, trao đổi thông tin về chuyên ngành Kiến tạo trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

2. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ cho các hội viên và quần chúng.

3. Tham gia xuất bản các sách báo ngành Kiến tạo theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu điều tra địa chất, khoáng sản, khen thưởng động viên các hoạt động sáng tạo, các công trình nghiên cứu và thành tích học tập của học sinh, sinh viên và nghiên cứu sinh trong ngành.

5. Mở rộng quan hệ hợp tác với các hội ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ cho Hội phát triển.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Công dân Việt Nam làm công tác Kiến tạo hoặc có liên quan đến ngành nghề Kiến tạo, có điều kiện tham gia thường xuyên vào các hoạt động của Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập hội, đều có thể xem xét kết nạp là hội viên của Hội Kiến tạo Việt Nam.

2. Công dân Việt Nam ở trong và ngoài nước, có hiểu biết về ngành Kiến tạo, có nhiệt tình đóng góp cho Hội, tán thành Điều lệ Hội, nhưng chưa đủ điều kiện để tham gia Hội, có thể được xem xét kết nạp là hội viên liên kết của Hội Kiến tạo Việt Nam. Hội viên liên kết được hưởng quyền và nghĩa vụ như các hội viên khác của Hội trừ quyền ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành và các chức danh lãnh đạo của Hội, không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

3. Thẻ thức kết nạp và khai trừ hội viên do Ban Thường trực Trung ương Hội quy định.

Điều 7. Nghĩa vụ và quyền lợi của hội viên

1. Hội viên có nghĩa vụ tuyên truyền, hưởng ứng mọi hoạt động của Hội, thi hành điều lệ Hội và đóng hội phí.

2. Hội viên có quyền:

a) Tham gia các hoạt động của Hội, được Hội giúp đỡ để tham gia các hoạt động khoa học kỹ thuật và đào tạo ở trong nước, ngoài nước, được hưởng các quyền lợi khác do Hội mang lại;

b) Hội viên được quyền thảo luận, biểu quyết mọi công việc của Hội; được bầu cử, ứng cử vào các cơ quan của Hội, được cấp thẻ hội viên và được xin ra khỏi Hội.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức

Hội Kiến tạo Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; đoàn kết, dân

chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội do bầu cử lập ra; các cấp của Hội được quyết định các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình nhưng không được trái với Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội và pháp luật của nhà nước.

Điều 9. Tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.
2. Ban Chấp hành Trung ương Hội.
3. Văn phòng Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Chi hội ở cơ sở.

Điều 10. Đại hội toàn quốc

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc với nhiệm kỳ 5 năm. Ban Chấp hành Trung ương Hội có thể quyết định triệu tập Đại hội sớm hơn khi có trên 2/3 số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc trên 1/2 số tổ chức cơ sở yêu cầu. Thành phần và số lượng đại biểu do các tổ chức cơ sở bầu theo tỷ lệ hội viên do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định. Số lượng đại biểu mời không quá 10% số lượng đại biểu triệu tập.

Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ:

1. Thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ công tác của Hội. Quyết định mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Hội nhiệm kỳ mới;
2. Thông qua quyết toán thu chi và kế hoạch tài chính của Hội;
3. Quyết định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội nhiệm kỳ mới;
4. Thảo luận và thông qua nghị quyết về sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có).

Điều 11. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội

1. Đại hội thông qua những vấn đề quan trọng của Hội bằng cách bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Việc lựa chọn hình thức biểu quyết nào do Đại hội quyết định.
2. Nghị quyết của Đại hội được quyết nghị theo đa số có mặt tại Đại hội.
3. Riêng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng sau đây, phải được 2/3 số hội viên có mặt tán thành và số đó phải vượt quá 1/2 tổng số hội viên của Hội:
 - a) Sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ;

- b) Bãi miễn một số thành viên Ban Chấp hành Trung ương;
- c) Giải thể và thanh lý tài sản của Hội.

Điều 12. Ban Chấp hành Trung ương Hội

Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương họp định kỳ mỗi năm một lần; trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có quá 1/2 số thành viên Ban Chấp hành Trung ương Hội yêu cầu.

Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội;
2. Lãnh đạo công tác của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội;
3. Bầu ra Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên thường vụ. Số lượng Ủy viên Thường vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định;

4. Bầu ra Ban Kiểm tra của Trung ương Hội. Trưởng Ban Kiểm tra là Ủy viên Thường vụ Trung ương Hội;

5. Khi cần thiết, có quyền bầu bổ sung một số Ủy viên Trung ương mới nhưng số lượng không được quá 1/3 số Ủy viên do Đại hội bầu;

Thế thức bầu các chức danh lãnh đạo Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

Điều 13. Ban Thường vụ

Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội, có trách nhiệm thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Thường vụ họp 3 tháng một lần; khi cần thiết hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ có thể họp bất thường.

Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

1. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hội theo nghị quyết của Đại hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và phải báo cáo tình hình hoạt động giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành;

2. Quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật cán bộ các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật; quyết định kết nạp và khai trừ hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và đúng pháp luật;

3. Tùy theo yêu cầu công tác, Ban Thường vụ có thể thành lập các ban, các tổ chức giúp việc có quy định trách nhiệm quyền hạn của các tổ chức này.

Điều 14. Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra Trung ương Hội hoạt động độc lập về nghiệp vụ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Hội. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra được quy định như sau:

1. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, các Nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Hội, của Ban Thường vụ Hội;

2. Xem xét và giải quyết các đơn thư, khiếu tố có liên quan đến hội viên và tổ chức Hội theo quy định của pháp luật;

3. Có quyền yêu cầu hội viên, các tổ chức của Hội báo cáo những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra đã được Ban Thường vụ Trung ương Hội đồng ý theo quy định của pháp luật;

4. Ban Kiểm tra có chương trình hoạt động riêng hoặc hoạt động theo đề nghị của Chủ tịch Hội và quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Điều 15. Chủ tịch Hội

Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra; Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

1. Chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các cuộc họp thường niên của Hội;

2. Điều hành các hoạt động và quyết định các công việc của Hội theo nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

3. Đại diện Hội trong các mối quan hệ đối nội và đối ngoại;

4. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội viên về các hoạt động của Hội;

5. Là chủ tài khoản thứ nhất của Hội;

6. Điều hành cuộc họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu được Chủ tịch mới.

Điều 16. Phó Chủ tịch

1. Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu, trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực. Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công lãnh đạo một số

mặt công tác của Hội, có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi được phân công và theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

2. Khi Chủ tịch Hội đi vắng, Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch.

Điều 17. Tổng Thư ký

Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu, có nhiệm vụ:

1. Thường trực giải quyết các công việc của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội và giúp Chủ tịch triển khai các hoạt động hàng ngày của cơ quan Trung ương Hội; trực tiếp chỉ đạo Văn phòng và các cơ quan nghiệp vụ khác của Hội (nếu có);
2. Thực hiện chức năng giao tiếp đối nội và đối ngoại của Hội;
3. Tổ chức thư ký và tổng hợp tài liệu các kỳ đại hội, các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội nghị thường niên của Hội;
4. Tổng Thư ký là chủ tài khoản thứ hai của Hội, chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Hội theo sự phân công của Chủ tịch;
5. Giúp việc Tổng Thư ký có Văn phòng và một số cán bộ do Tổng Thư ký đề nghị, Chủ tịch Hội xét quyết định;
6. Tổng Thư ký có thể kiêm Chánh Văn phòng.

Chương V TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 18. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí do hội viên đóng.
2. Thu nhập từ các hoạt động khoa học - công nghệ của Hội.
3. Tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ theo quy định của pháp luật.
4. Thu nhập từ các hoạt động hợp pháp khác.

Điều 19. Quản lý tài chính, tài sản

1. Hội có tài chính, tài sản độc lập; việc quản lý và sử dụng tài sản, tài chính theo quy chế của Ban Thường vụ Trung ương Hội và theo quy định của Nhà nước.
2. Khi Hội bị giải thể thì tài sản, tài chính của Hội phải được kiểm kê và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 20. Khen thưởng

Cán bộ hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích xuất sắc sẽ được Hội khen thưởng; được đề nghị Nhà nước và các cấp chính quyền xét khen thưởng. Hình thức khen thưởng do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định.

Điều 21. Kỷ luật

1. Cán bộ, hội viên và các tổ chức Hội nếu vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội thì bị thi hành kỷ luật. Hình thức kỷ luật do Ban Thường vụ Trung ương Hội quyết định.

2. Trường hợp vi phạm pháp luật nhà nước sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 7 Chương, 22 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I, Hội Kiến tạo Việt Nam nhất trí thông qua ngày 15 tháng 03 năm 2005.

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ./.